

Bản án số: 44/2026/HS-PT
Ngày 14-5-2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sinh.

Các Thẩm phán: Ông Văn Thanh Gia và ông Ung Quang Định.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Nga - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Trần Quốc Việt - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 16/2026/TLPT-HS ngày 12 tháng 02 năm 2026 đối với các bị cáo **Dương Sĩ Q**, **Dương Phong K** và **Võ Anh K1** do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 03/2026/HSST ngày 08 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 2, tỉnh Gia Lai.

*** Các bị cáo có kháng cáo:**

1. Dương Sĩ Q, sinh ngày 10/4/1993 tại tỉnh Bình Định (nay là tỉnh Gia Lai); căn cước công dân số: 052093012024; nơi cư trú: **Thôn N, xã T, tỉnh Gia Lai**; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; nghề nghiệp: thợ xây; trình độ học vấn: 9/12; con ông **Dương Sĩ T** và bà **Trần Thị Kim C**; Vợ: **Lê Thị Mỹ L**, sinh năm 1997 và có 01 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại; có mặt.

2. Dương Phong K, sinh ngày 20/9/1999 tại tỉnh Bình Định (nay là tỉnh Gia Lai); căn cước công dân số: 052099007043; nơi cư trú: **Thôn N, xã T, tỉnh Gia Lai**; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; nghề nghiệp: lái xe; trình độ học vấn: 9/12; con ông **Dương T1** và bà **Lê Thị Ngọc K2**; Vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại; có mặt.

3. Võ Anh K1, sinh ngày 29/10/2003 tại tỉnh Bình Định (nay là tỉnh Gia Lai); căn cước công dân số: 052203008911; nơi cư trú: **Thôn A, xã T, tỉnh Gia Lai**; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; nghề nghiệp: lái xe; trình độ học vấn: 10/12; con ông **Võ Văn H** và bà **Nguyễn Thị Thanh Y**; Vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Dương Sĩ Q: Bà Nguyễn Trần Phương T2 – Luật sư Văn phòng L1 Đoàn luật sư tỉnh G. Địa chỉ: B L, phường B, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 6 năm 2020, ông Huỳnh Văn M vay của Dương Sĩ Q số tiền 20.000.000 đồng với lãi suất 10%/tháng. Ông M chỉ đóng tiền lãi cho Q được 07 tháng với tổng số tiền 14.000.000 đồng và ông M không có tiền đóng lãi nên Q nhiều lần gọi cho ông M để yêu cầu trả lại số tiền gốc nhưng ông M nhiều lần hứa hẹn kéo dài thời gian trả tiền cho Q.

Khoảng 18 giờ 00 phút ngày 03/3/2025, Q gọi điện cho Dương Phong K nhờ K đến sân bay P chở Q về nhà thì Dương Phong K đồng ý. Dương Phong K thuê xe ô tô con nhãn hiệu Toyota, loại Innova biển số 77A – 328.96 của ông Võ Hữu N rồi điều khiển xe đến sân bay P để chở Q về nhà. Khi về đến nhà, Q nói Dương Phong K tìm ông Huỳnh Văn M để đòi nợ số tiền 20.000.000 đồng và rủ thêm người đi cùng thì Dương Phong K đồng ý. Lúc này, Dương Phong K rủ Võ Anh K1 đi cùng. Sau đó, Dương Phong K chở Q và Võ Anh K1 đến nhà vợ của ông M là bà Lê Thị Thanh T3 để tìm ông M. Khi đến đoạn đường bê tông cách nhà bà T3 khoảng 10 mét thì Dương Phong K dừng xe lại, rồi Q và Võ Anh K1 đi bộ đến trước cổng ngõ nhà bà T3 thì thấy ông M đang đứng bên trong sân nhà. Lúc này, Q nói ông M “Mày ra đây tao nói chuyện chứ không tao xông vào nhà” thì ông M trả lời “Đề vào nhà bận áo rồi ra” nhưng Q không chịu. Vì lo sợ ảnh hưởng đến gia đình nhà vợ nên ông M đi đến cổng ngõ để gặp Q. Khi ông M vừa đến chỗ Q thì Võ Anh K1 liền dùng tay khoác lên vai ông M, rồi cùng Q đưa ông M đến xe ô tô mà Dương Phong K đang chờ. Lúc này, Q yêu cầu ông M lên xe ngồi tại vị trí hàng ghế bên phải còn Dương Phong K và Võ Anh K1 ngồi ở vị trí hàng ghế thứ hai phía sau, Q điều khiển xe chở ông M đi. Khi đến gần kho gạo Thanh H1, Q thấy vắng người nên dừng xe lại rồi yêu cầu ông M bước xuống xe, Q tiếp tục hỏi ông M có trả tiền không nhưng ông M không nói gì nên Dương Phong K và Võ Anh K1 dùng tay chân đánh trúng vùng tai bên trái, vùng mặt và vùng mũi ông M gây thương tích. Lúc này, Võ A K1 định lấy con dao mang theo trong người ra hăm dọa ông M thì Q ngăn cản nên K1 bỏ lại con dao trong người. Q thấy ông M bị chảy máu nên Q nói Dương Phong K và Võ Anh K1 dừng lại không đánh nữa. Sau đó, Q tiếp tục yêu cầu ông M lên xe để Dương Phong K điều khiển xe chở đến quán N1 ở phường A, tỉnh Gia Lai. Khi đến quán, Võ Anh K1 đưa áo khoác cho ông M mặc rồi Q nói ông M đi vào bên trong quán. Tại đây, Q tiếp tục hỏi ông M “Tiền chừng nào có trả tao” thì ông M trả lời “Trong tuần này có”. Đến khoảng 22 giờ 00 phút cùng ngày, nghe gia đình ông M báo cáo cơ quan Công an nên Q cùng Dương Phong K và Võ Anh K1 chở ông M đến gần Ủy ban nhân dân xã P rồi bỏ ông M xuống tự đi bộ về nhà, còn Q cùng Dương Phong K và Võ Anh K1 đi về nhà. Ông M đến Trung tâm y tế thị xã A điều trị từ ngày 04/3/2025 đến ngày 11/3/2025 thì xuất viện.

Tại Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 103/KLTTCT-PYBD ngày 19/5/2025 của Trung tâm pháp y tỉnh B như sau:

- Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể tương ứng với từng vết thương của Huỳnh Văn M tại thời điểm giám định là:

+ Vành trước tai trái hiện không dấu vết. Kết quả khám tai, nội soi tai: Không phát hiện bất thường. Tỷ lệ 00% (không phần trăm).

+ Vùng mũi hiện không dấu vết. Kết quả khám mũi, nội soi mũi: Không phát hiện bất thường. Tỷ lệ 00% (không phần trăm).

- Tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Huỳnh Văn M tại thời điểm giám định là: 00% (không phần trăm).

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh G thu giữ: 01 (một) con dao dài 16,5cm, phần cán cong màu đen dài 8cm, phần lưỡi bằng kim loại màu trắng dài 8,5cm, rộng nhất 2,5cm, đầu nhọn, trên lưỡi dao có in chữ D2. Bên ngoài có vỏ bao màu đen vàng dài 14,5cm, rộng nhất 3cm.

Về dân sự: Ông Huỳnh Văn M yêu cầu bồi thường thiệt hại với tổng số tiền là 4.700.000 đồng. Quá trình điều tra, Dương Sĩ Q đã bồi thường 1.700.000 đồng, Võ Anh K1 bồi thường 1.500.000 đồng, Dương Phong K bồi thường 1.500.000 đồng; ông M không yêu cầu bồi thường gì thêm.

- Giải quyết của Tòa án cấp sơ thẩm:

Tại bản án hình sơ thẩm số 03/2026/HS-ST ngày 08-01-2026 của Tòa án nhân dân khu vực 2, tỉnh Gia Lai đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 157, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Dương Sĩ Q.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 157, điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Dương Phong K.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 157, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Võ Anh K1.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Dương Sĩ Q, Dương Phong K, Võ Anh K1 đều phạm tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”.

2. Về hình phạt:

2.1. Xử phạt bị cáo Dương Sĩ Q 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

2.2. Xử phạt bị cáo Dương Phong K 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

2.3. Xử phạt bị cáo Võ Anh K1 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của các bị cáo theo luật định.

- Kháng cáo của bị cáo:

Ngày 13/01/2026, bị cáo Dương Sĩ Q kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt hình phạt và được áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ.

Ngày 21/01/2026, các bị cáo **Dương Phong K** và **Võ Anh K1** kháng cáo về phần hình phạt, đề nghị cấp phúc thẩm xem xét cho các bị cáo được hưởng án treo.

- Diễn biến tại phiên tòa phúc thẩm:

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm về hình phạt đối với các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo khai nhận: Xuất phát từ việc ông **Huỳnh Văn M** nợ số tiền 20.000.000 đồng đòi không trả. Nên tối ngày 03/3/2025 **Dương Sĩ Q** nói **Dương Phong K** rủ thêm **Võ Anh K1** đi cùng đến nhà vợ của ông **M** là bà **Lê Thị Thanh T3** để đòi nợ. Khi thấy ông **M** đang đứng bên trong sân nhà. Lúc này, **Q** nói ông **M** “Mày ra đây tao nói chuyện chứ không tao xông vào nhà”. Khi ông **M** vừa đến chỗ **Q** thì **Võ Anh K1** liền dùng tay khoác lên vai ông **M**, rồi cùng **Q** đưa ông **M** lên xe ô tô chở ông **M** đi đến gần kho gạo **Thanh H1** dùng xe lại yêu cầu ông **M** bước xuống xe, **Q** tiếp tục hỏi ông **M** có trả tiền không nhưng ông **M** không nói gì, nên **Dương Phong K** và **Võ Anh K1** dùng tay chân đánh ông **M**. Lúc này, **Võ A K1** định lấy con dao mang theo trong người ra hăm dọa ông **M** thì **Q** ngăn cản nên **K1** bỏ lại con dao trong người. Sau đó, **Q** tiếp tục yêu cầu ông **M** lên xe chở đến quán **N1 ở phường A**, rồi **Q** tiếp tục hỏi ông **M** “Tiền chừng nào có trả tao” thì ông **M** trả lời “Trong tuần này có”. Đến khoảng 22 giờ 00 phút cùng ngày, nghe gia đình ông **M** báo cáo cơ quan Công an nên **Q** cùng **Dương Phong K** và **Võ Anh K1** chở ông **M** đến gần Ủy ban nhân dân xã **P** rồi bỏ ông **M** xuống tự đi bộ về nhà.

Hành vi của các bị cáo bị Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử các bị cáo về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” theo quy định tại khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Hình sự là đúng quy định pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của các bị cáo:

[2.1] Xét kháng cáo của bị cáo **Dương Sĩ Q** xin được hưởng án treo hoặc cải tạo không giam giữ :

Xét thấy, khi lượng hình Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, đánh giá đúng tính chất vụ án, vai trò, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo trong vụ án này là người có vai trò chính. Đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ để xử bị cáo **Q** mức án 09 tháng tù. Tuy tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, bị cáo xuất trình đơn của bị hại ông **Huỳnh Văn M** xin cho bị cáo được hưởng án treo. Nhưng xét thấy đây cũng là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đã được tòa án cấp sơ thẩm áp dụng. Mức án mà Tòa sơ thẩm đã áp dụng cho bị cáo là phù hợp, nên kháng cáo của bị cáo là không có cơ sở chấp nhận

[2.1] Xét kháng cáo của các bị cáo **Dương Phong K** và **Võ Anh K1** xin được hưởng án treo:

Trong vụ án này các bị cáo **Dương Phong K** và **Võ Anh K1** tham gia với vai trò đồng phạm thứ yếu, nghe theo lời rủ rê của bị cáo **Q**. Các bị cáo lần đầu phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Được áp dụng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo qui định tại các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của bộ luật hình sự. Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, được bị hại ông **Huỳnh Văn M** có đơn xin cho các bị cáo được hưởng án treo. Xét các bị cáo có nhân thân tốt, ngoài lần phạm tội này luôn chấp hành chính sách, pháp luật và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân nơi cư trú; có nơi cư trú rõ ràng; có khả năng tự cải tạo dưới sự giám sát giáo dục của chính quyền địa phương, không cần thiết phải áp dụng hình phạt tù cách ly các bị cáo để cải tạo, nên chấp nhận kháng cáo cho các bị cáo **Dương Phong K** và **Võ Anh K1** được hưởng án treo.

Từ phân tích trên, sửa Bản án sơ thẩm về hình phạt đối với các bị cáo **Dương Phong K** và **Võ Anh K1**.

[3] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo **Dương Sĩ Q** phải chịu án phí hình sự phúc thẩm; các bị cáo **Dương Phong K** và **Võ Anh K1** không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355, Điều 356, e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự,

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Dương Sĩ Q**. Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo **Dương Phong K** và **Võ Anh K1**, sửa bản án hình sự sơ thẩm số 03/2026/HS-ST ngày 08 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 2, tỉnh Gia Lai về phần hình phạt của các bị cáo **Dương Phong K** và **Võ Anh K1**.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 157, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Dương Sĩ Q** 09 (C1) tháng tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 157, điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Dương Phong K** 06 (S) tháng tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (Mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 157, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Võ Anh K1** 06 (S) tháng tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (Mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao các bị cáo **Dương Phong K** và **Võ Anh K1** cho Ủy ban nhân dân xã **T**, tỉnh Gia Lai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo

có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Gia Lai giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp hình phạt với bản án mới theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật thi hành án hình sự.

2. Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án:

Bị cáo Dương Sĩ Q phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

Các bị cáo Dương Phong K và Võ Anh K1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Gia Lai;
- THADS tỉnh Gia Lai;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Gia Lai;
- TAND khu vực 2;
- VKSND khu vực 2;
- Phòng THADS khu vực 2;
- Bị cáo;
- Lưu VT, THS, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Sinh